

Bản án số: 105 /2024/DS - ST

Ngày: 03/7/2024

V/v “Đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Ton.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2023/TLST-DS ngày 14/12/2023 về việc “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84a/2024/QĐST - DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐST - DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: 035/AB1, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: 503/AP1, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Gia đình bà thuộc diện hộ nghèo, thời điểm tháng 8/2020 bà cần vốn để mua bò nuôi kiếm lời, biết bà Đ công tác tại chi hội phụ nữ ấp A, xã A, bà Đ cũng là cộng tác

viên của ngân hàng chính sách thời gian từ rất lâu, bà Đ cũng là bạn bè hàng xóm thân thiết nên bà có nói với bà Đ về việc bà cần vay vốn số tiền 30.000.000 đồng để mua bò thì bà Đ nói vay như vậy ít, bà Đ kêu bà nên vay 40.000.000 đồng, đồng thời bà Đ nói bà cho bà Đ vay ké thêm 20.000.000 đồng nữa là thành 60.000.000 đồng, bà Đ nói bà Đ sẽ là người đóng lãi cho ngân hàng số tiền vay 60.000.000 đồng, đồng thời bà cũng có nghe nhiều người nói là nếu không chịu cho bà Đ vay ké thêm tiền thì bà Đ để hồ sơ vay lâu, do cần tiền gấp mua bò nên bà cũng đồng ý ký tên vay ngân hàng chính sách số tiền 60.000.000 đồng, sau khi nhận được số tiền 60.000.000 đồng thì bà đã đưa cho bà Đ 20.000.000 đồng vào ngày 26/8/2020. Để làm tin bà Đ có tự viết giấy tay nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng để đưa cho bà giữ. Bà Đ hứa khi nào mãn hạn phải trả tiền gốc cho ngân hàng thì bà Đ sẽ đưa lại số tiền 20.000.000 đồng cho bà để bà trả ngân hàng. Sau khi vay tiền, bà Đ đóng lãi được một thời gian thì bỏ trốn đi luôn, sau khi bà Đ bỏ trốn đi khỏi địa phương thì bà mới nghe nhiều người dân trong xóm nói nhiều người cũng bị tình trạng như bà, bà Đ vay tiền ké của nhiều người rồi giựt luôn, ngoài ra bà Đ cũng là chủ hội nên giựt tiền hội của rất nhiều vụ viên.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đ phải trả lại cho bà số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trường hợp chậm trả thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên Tòa sơ thẩm.*

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ Điều 166, 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng.

Về phí dân sự sơ thẩm: đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trường hợp chậm trả thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà L cung cấp cho Tòa án “Biên nhận mượn tiền đề ngày 26/8/2020” thể hiện bà Đ có mượn bà L số tiền 20.000.000 đồng.

Bị đơn bà Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên xem như đã mặc nhiên thừa nhận và từ bỏ quyền phản bác của mình đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L đã cung cấp. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với chứng cứ mà bà L cung cấp được, từ khi bà L khởi kiện yêu cầu bà Đ thanh toán tiền nợ nói trên nhưng bà Đ chưa thanh toán cho bà L là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà Đ phải trả cho bà L số tiền 20.000.000 đồng.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Nguyên đơn bà Phạm Thị L được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu án phí số tiền: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 166, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị L số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 1.000.000đ (một triệu đồng), buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Do bà Phạm Thị L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên không phải hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm